



疑问代词“什么”

(1) 这 是 什么 东西?

Zhè shì shénme dōngxī?

(2) 他 去 银行 做 什么?

Tā qù yínháng zuò shénme?

(3) 你 说 什么?

Nǐ shuō shénme?

Tự đúc kết công thức

